

**NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG HÔN NHÂN TRUYỀN THỐNG
CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ
(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG)**

Nguyễn Thái Ngọc Hà^{1*}, Tạ Duy Linh²

**CHANGES IN TRADITIONAL MARRIAGE OF KHMER PEOPLE IN THE SOUTH
OF VIETNAM (A CASE STUDY IN TRI TON DISTRICT, AN GIANG PROVINCE)**

Nguyen Thai Ngoc Ha^{1*}, Ta Duy Linh²

Tóm tắt – Bài viết đề cập đến những biến đổi về hôn nhân truyền thống của người Khmer Nam Bộ, trường hợp người Khmer ở huyện Tri Tôn – tỉnh An Giang, từ thập niên 1980 đến nay trên nhiều phương diện như quan niệm, quy tắc kết hôn, quyền quyết định hôn nhân, tiêu chí lựa chọn bạn đời, đăng ký kết hôn và li hôn. Sự biến đổi này chưa làm mất đi những giá trị mang tính truyền thống của tộc người nhưng lại có sự tác động đến văn hóa truyền thống theo cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực. Xét về mặt tích cực, sự biến đổi làm tăng dần hôn nhân tự nguyện, giảm dần tình trạng hôn nhân cận huyết, nạn tảo hôn trong vùng đồng bào dân tộc, tăng tình đoàn kết, hòa hợp giữa các dân tộc, làm phong phú thêm văn hóa truyền thống của tộc người. Mặt khác, hôn nhân của người Khmer ngày nay không tránh khỏi những vấn đề bất cập mang tính thời đại. Cụ thể là một số nét văn hóa mới như các quan niệm mới về trình tiết, quan hệ tình dục trước hôn nhân, chung sống trước hôn nhân, li thân, li hôn, dẫn đến một số tác động tiêu cực đến đời sống xã hội.

Từ khóa: biến đổi hôn nhân truyền thống, người Khmer Nam Bộ, tỉnh An Giang.

Abstract – The article mentions changes in concept of Southern Khmer marriage from 1980s to present in the aspects of conception, marriage rules, the right to decide on marriage, criteria for choosing a partner, the registration of marriage and divorce. This change has not lost the traditional values of the ethnic group but has had an impact on traditional culture in both positive and negative directions. On the positive side, the change gradually increases the voluntary marriages, reduces the inbreeding, the child marriage in ethnic minority areas, as well as increases the solidarity, the harmony between ethnic groups, and also enriches the traditional culture of the ethnic group,... On the other hand, the marriage of the Khmer people today also meets current unavoidable inadequacies. Specifically, some new cultural features are not suitable for the Khmer to absorb from outside into marriage such as new concepts of chastity, pre-marital sex, pre-marital cohabitation, separation and divorce inherently brings negative effects on social life.

Keywords: An Giang Province, Khmer people in Southern Vietnam, transformation of traditional marriage.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện cùng với việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xét trên phương diện phát triển kinh tế, Việt Nam đã đạt

¹Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

²Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế và Du lịch (ITERD)
Ngày nhận bài: 01/4/2021; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 14/5/2021; Ngày chấp nhận đăng: 15/11/2021

*Tác giả liên hệ: ntnha@agu.edu.vn

¹An Giang University, Vietnam National University Ho Chi Minh City

²Institute for Tourism Economic Research Development (ITERD)

Received date: 01st April 2021; Revised date: 14th May 2021; Accepted date: 15th November 2021

*Corresponding author: ntnha@agu.edu.vn

được những thành tựu nổi bật. Cùng với phát triển kinh tế – xã hội, trên lĩnh vực văn hóa, Việt Nam đã có những biến đổi tương ứng. Những biến đổi này gây ra nhiều tranh luận và ý kiến khác nhau liên quan đến việc giữ gìn bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà những năm gần đây, chủ đề động thái của truyền thống rất được giới khoa học quan tâm nghiên cứu, đặc biệt quan tâm nghiên cứu đối với các cộng đồng dân tộc thiểu số, vốn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi sự biến đổi kinh tế – xã hội của đất nước.

An Giang là một trong những tỉnh của Đồng bằng Sông Cửu Long có đông tộc người Khmer sinh sống. Người Khmer tập trung sinh sống đông nhất ở huyện Tri Tôn với 42.333 người, chiếm tỉ lệ 46,9% số người Khmer trên toàn tỉnh [1]. Người Khmer An Giang đã tạo nên một nền văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc của tộc người. Mặc dù là một cộng đồng có xu hướng tự quản và khép kín [2, 3], nhưng sự phát triển về kinh tế và xã hội đã dẫn đến những biến đổi trong đời sống văn hóa – xã hội của cộng đồng Khmer. Hệ thống sinh kế bị thay đổi, giao lưu văn hóa với các tộc người khác vừa tạo ra điều kiện thuận lợi để phát triển, vừa đặt ra nhu cầu cộng đồng Khmer phải có phản ứng phù hợp để thích nghi với hoàn cảnh mới. Các nghiên cứu trong những năm đầu của thế kỉ XXI cho thấy các cộng đồng Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có tỉnh An Giang, đang trong quá trình cải biến mô hình kinh tế – xã hội và văn hóa truyền thống. Sự cải biến này xuất hiện cả ở những thiết chế cơ bản nhất, trong đó có kiểu mẫu hôn nhân.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Vấn đề hôn nhân của cộng đồng dân tộc Khmer ở miền Nam Việt Nam đã được các tác giả Lê Hương [2], Sôrya [4], Sơn Phước Hoan [5], Trần Văn Bính [6], Vương Xuân Tình, Vũ Đình Mười [7], Đặng Thị Kim Oanh [8, 9], Thái Huỳnh Phương Lan [10] đề cập ở những góc độ khác nhau. Các nghiên cứu này cho phép chúng tôi rút ra quan niệm rằng hôn nhân là sự kết hợp giữa một người nam với một người nữ để hình thành nên gia đình với những chức năng nhất định. Sự kết hợp đó luôn chịu sự chi phối bởi những quy định chung của cộng đồng (tập quán pháp) cũng như những quy định của luật pháp.

Các nghiên cứu này đều cho thấy hôn nhân là một thành tố quan trọng trong vòng đời của người Khmer Nam Bộ và là một yếu tố văn hóa đặc sắc của cộng đồng ấy. Các nghiên cứu trong thế kỉ XX vì thế chủ yếu nhấn mạnh đến những yếu tố cổ truyền trong phong tục cưới xin của người Khmer Nam Bộ. Chúng là cơ sở quan trọng để ta xác định những yếu tố được xem là truyền thống trong hôn nhân của cộng đồng Khmer Nam Bộ. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu về sau ngày càng có xu hướng tìm hiểu những biến đổi trong hôn nhân hiện đại so với hôn nhân truyền thống. Chúng cung cấp cho ta một số dấu hiệu về các xu hướng biến đổi và nguyên nhân của những biến đổi ấy. Những xu hướng được nhắc đến bao gồm: thay đổi trong quan niệm về mục đích và ý nghĩa của hôn nhân [8, 11], thay đổi về quy tắc lựa chọn bạn đời và các nghi thức trong hôn lễ [1, 12, 4, 6, 5, 8], thay đổi về tuổi kết hôn [8, 11], sự phát triển của hôn nhân với người không thuộc cộng đồng Khmer [10] và hôn nhân xuyên biên giới [7]. Cơ sở lí luận và các kết quả nghiên cứu của các công trình này đã là những gợi ý tham khảo quý giá được tác giả kế thừa trong bài viết. Tuy nhiên, về vấn đề hôn nhân của cộng đồng dân tộc Khmer vẫn còn nhiều khoảng trống chưa được các nhà nghiên cứu làm rõ:

Thứ nhất, các nghiên cứu chủ yếu quan tâm đến các quy tắc lựa chọn tiền hôn nhân và các nghi thức trong hôn lễ. Một số vấn đề phát sinh sau hôn lễ chưa được quan tâm đúng mức. Chỉ có một vài nghiên cứu nhắc đến vấn đề này trong các trường hợp hôn nhân có tính đặc thù. Thái Huỳnh Phương Lan đề cập đến vấn đề lựa chọn định danh tộc người cho con cái của các cặp đôi kết hôn Khmer – Kinh [10]. Vương Xuân Tình, Vũ Đình Mười [7] đề cập đến vấn đề lựa chọn nơi cư trú sau hôn nhân của các cặp đôi kết hôn xuyên biên giới Việt Nam – Campuchia. Một số vấn đề sau hôn lễ như đăng kí kết hôn hoặc kết thúc mối quan hệ hôn nhân vẫn chưa được nhắc đến.

Thứ hai, nhiều nghiên cứu chỉ nói đến cộng đồng người Khmer nói chung mà thiếu đi bối cảnh cụ thể của cộng đồng được nghiên cứu. Đặng Thị Kim Oanh [8] khảo sát khá toàn diện vấn đề biến đổi trong hôn nhân của cộng đồng người Khmer ở Trà Vinh. Các nghiên cứu về hôn

nhân của cộng đồng người Khmer An Giang chủ yếu tập trung vào các trường hợp kết hôn đặc biệt [7, 10]. Do đó, tình hình biến đổi về hôn nhân của cộng đồng Khmer tại nhiều địa phương cụ thể như các tỉnh An Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu vẫn còn thiếu.

Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích sự biến đổi trong hôn nhân truyền thống của người Khmer tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang dưới sự chi phối của tập quán pháp cũng như luật pháp thành văn.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để có bức tranh toàn cảnh về hôn nhân truyền thống của người Khmer huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đặt trong bối cảnh chung của khu vực Nam Bộ, chúng tôi thực hiện phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp với nguồn tư liệu từ Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Khoa học Việt Nam trực tuyến...

Thông thường, sự biến đổi hôn nhân truyền thống của người Khmer được xem xét trên hai phương diện, một là biến đổi trong quy tắc hôn nhân và hai là biến đổi trong nghi lễ hôn nhân của người Khmer. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích sự biến đổi về những quy tắc trong hôn nhân truyền thống của người Khmer bao gồm mục đích kết hôn, quan niệm về chung sống trước hôn nhân, quyền quyết định hôn nhân, tiêu chí lựa chọn bạn đời, đăng kí kết hôn, li hôn. Để có được những nhận định khách quan về sự biến đổi trong hôn nhân của người Khmer, chúng tôi tiến hành khảo sát 200 người dân Khmer phân đều trong ba nhóm tuổi (thanh niên, trung niên và cao niên) tại thị trấn Tri Tôn và xã Ô Lâm thuộc huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang vào 4/2018. Trong đó, xã Ô Lâm đại diện cho địa bàn vùng sâu, vùng xa, xã nghèo của huyện và là nơi người Khmer tập trung sinh sống đông nhất (11.529 người, chiếm tỉ lệ 27,2%); thị trấn Tri Tôn đại diện cho địa bàn có đời sống kinh tế phát triển nhất ở huyện và có lượng người Khmer rất ít (2.852 người, chiếm tỉ lệ 6,7%). Việc nghiên cứu đồng thời hai địa bàn trong cùng một thời điểm nghiên cứu giúp chúng tôi có một cái nhìn so sánh, đối chiếu để thấy rõ hơn tác động của sự biến đổi kinh tế – xã hội, sự giao lưu tiếp biến văn

hóa ảnh hưởng đến sự biến đổi hôn nhân truyền thống của người Khmer. Đồng thời, tại địa bàn khảo sát, chúng tôi phỏng vấn sâu hai Ta A Cha, sáu người thuộc ba thế hệ để hiểu rõ hơn nguyên nhân của sự biến đổi và ba cán bộ văn hóa nhằm tìm hiểu sự tác động của chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong vùng đồng bào dân tộc đến hôn nhân của người Khmer.

Đối với dữ liệu định lượng, chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 20.0 để phân tích thống kê, xử lí dữ liệu đã thu thập được và diễn giải ý nghĩa của kết quả xử lí. Việc mô tả sự biến đổi khuôn mẫu hôn nhân truyền thống của người Khmer được thực hiện bằng các đại lượng thống kê mô tả về tần suất, tỉ lệ (%).

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

A. Sự biến đổi trong hôn nhân truyền thống của người Khmer ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

Mục đích kết hôn

Việc tổng hợp kết quả phỏng vấn sâu Ta A Cha và người Khmer trong nhóm tuổi cao niên tại các địa bàn khảo sát cho thấy, theo quan niệm truyền thống của người Khmer, hôn nhân được xem là việc hệ trọng của đời người, bởi đời người chỉ được kết hôn một lần theo đúng phong tục truyền thống. Được kết hôn theo đúng phong tục truyền thống không chỉ mang lại danh dự cho hai vợ chồng mà còn mang lại danh dự cho gia đình và dòng họ. Nếu không may chồng hoặc vợ vì lí do nào đó phải tiến thêm bước nữa thì lần kết hôn thứ hai không được tổ chức theo nghi thức truyền thống mà chỉ tổ chức lễ cúng bái để chấp nối cho chồng hoặc vợ. Bởi không được tổ chức theo đúng nghi thức truyền thống cho nên vợ chồng, con cái của họ không được cộng đồng xem trọng. Hầu hết các nghi lễ vòng đời đều không được họ hàng, người trong phum sóc mời đến tham dự.

Mặt khác, hôn nhân là việc chung của dòng họ mà không phải là việc riêng của cá nhân với mục đích chính là duy trì nòi giống. Quan hệ tình cảm, yêu đương cá nhân không được đề cao. Kết quả khảo sát người Khmer trong nhóm tuổi cao niên về mục đích kết hôn cho thấy, 100% người Khmer cho rằng duy trì nòi giống là quan trọng nhất, trong khi đáp ứng nhu cầu đời sống tình cảm chỉ chiếm 5,3%. Hầu như tình cảm yêu đương chỉ nảy sinh sau khi hai bên tiến tới hôn nhân. Nếu

như mục đích chính của hôn nhân truyền thống là để duy trì nòi giống, cha mẹ là người quyết định hôn sự của con với một hệ thống các tiêu chí lựa chọn dâu, rể, thì nay, mục đích của hôn nhân hiện đại vẫn là duy trì nòi giống, song bên cạnh mục đích duy trì nòi giống còn có xu hướng tăng lên của mưu cầu hạnh phúc lứa đôi.

Kết quả khảo sát cho thấy, nếu như chỉ có 5,3% người Khmer ở nhóm tuổi cao niên kết hôn với mục đích đáp ứng nhu cầu đời sống tình cảm thì đối với nhóm tuổi trung niên và nhóm tuổi thanh niên, mục đích kết hôn để đáp ứng nhu cầu đời sống tình cảm chiếm tỉ lệ khá cao với tỉ lệ lần lượt là 68,2% và 71,2%.

Quan niệm về chung sống trước hôn nhân

Với người Khmer xưa, vấn đề trinh tiết của người con gái cũng đặc biệt quan trọng. Mọi hành vi chung sống trước hôn nhân đều bị xem là không phù hợp với thuần phong mỹ tục. Chính vì thế, hôn nhân của người Khmer trước năm 1986 là hôn nhân một vợ một chồng khá bền vững. Trong cuộc khảo sát tháng 4/2018, chúng tôi không ghi nhận được bất kì trường hợp li hôn nào của các cuộc hôn nhân từ năm 1986 trở về trước. Tất cả các cuộc li hôn, li thân đều tập trung trong nhóm tuổi kết hôn từ năm 1986 đến nay. Tuy nhiên, hiện nay, hiện tượng chung sống trước hôn nhân cũng xuất hiện trong giới trẻ và dần được cộng đồng chấp nhận. Trong khi tìm hiểu về tầm quan trọng của việc xem tuổi trước khi cưới ở giới trẻ hiện nay, Néang Đ. (ý kiến cá nhân, ngày 24/4/2018) cho rằng: ‘Xem thì vẫn xem vậy nhưng dù hợp hay không cũng phải cưới thôi. Tụi nó yêu nhau, có khi có con với nhau rồi mới điện thoại về. Trường hợp này chỉ coi ngày tốt là cưới luôn’. Rõ ràng là, cách nhìn của xã hội về vấn đề chung sống trước hôn nhân trong giới trẻ đã có nhiều thay đổi. Họ không còn quá xa lạ với hiện tượng sống thử của thanh niên, đặc biệt trong bối cảnh thanh niên Khmer ngày nay mở rộng phạm vi giao tiếp thông qua học tập, lao động, làm việc.

Quy tắc kết hôn

Với người Khmer, hôn nhân một vợ một chồng được xác lập vững chắc và theo nguyên tắc ngoại hôn dòng họ. Những người có mối quan hệ huyết thống cả trực hệ và bàng hệ như ông bà với cháu ruột, cha mẹ với con cái hay anh chị em ruột không được phép lấy nhau. Hôn nhân giữa cô,

đì, chú, bác với cháu cũng bị cấm. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa anh em họ (con cô, con cậu, con chú, con dì) thì được chấp nhận. Trong đó, hôn nhân giữa anh em họ đời thứ hai (chỉ thuật mẹ) được khuyến khích và diễn ra phổ biến hơn hôn nhân giữa anh em họ đời thứ nhất (chỉ đơn mẹ) [8]. Mục đích của kết hôn giữa các anh em trong dòng họ là nhằm bảo vệ của cải và thắt chặt mối quan hệ thân tộc trong phum sóc. Theo phong tục truyền thống, mọi thành viên trong gia đình đều được bình đẳng trong việc phân chia tài sản; trong trường hợp cha mẹ mất đi thì tài sản sẽ được chia đều cho các con; nếu cô dâu, chú rể là người trong họ thì mặc nhiên tài sản sẽ không bị thất thoát ra ngoài [8]. Do đó, hôn nhân cận huyết luôn là hình thức hôn nhân được ưa thích trong xã hội Khmer truyền thống.

Bên cạnh đó, người Khmer có xu hướng kết hôn cùng tộc người (nội hôn tộc người) do chi phối bởi lối sống khép kín từ bao đời, Sên Chanh T. (ý kiến cá nhân, ngày 20/4/2018) khẳng định: ‘cộng đồng dân tộc Khmer mong muốn sống trong cộng đồng nhỏ, họ chỉ sống cụm trong xóm làng, không muốn sống ngoài mặt tiền’. Với người Khmer xưa, họ rất e ngại khi lấy người ngoại tộc bởi những khác biệt về lối sống, văn hóa, phong tục tập quán và đặc biệt là ngôn ngữ. Dựa trên kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu vào tháng 4/2018 về trình độ học vấn của người Khmer từ 60 tuổi trở lên cho thấy, có đến 27/57 trường hợp (chiếm tỉ lệ 47,4%) không biết chữ, 26/57 trường hợp (chiếm tỉ lệ 45,6%) học đến tiểu học, chỉ có 4/57 trường hợp (chiếm tỉ lệ 7%) học đến trung học cơ sở (THCS) và không có trường hợp nào đạt trình độ ở các cấp học cao hơn. Nhìn chung, trình độ học vấn của người Khmer ở nhóm tuổi từ 60 trở lên là khá thấp. Đa số họ không biết tiếng Việt hoặc chỉ học đến bậc tiểu học. Ngôn ngữ Khmer vẫn là ngôn ngữ chính dùng trong giao tiếp hằng ngày. Theo Chau K. (ý kiến cá nhân, ngày 20/4/2018), nguyên nhân dẫn đến tình trạng học vấn thấp trong cộng đồng Khmer là do trước năm 1986, toàn huyện (địa giới của huyện Tri Tôn kéo dài đến xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên ngày nay) chỉ có một trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. Đời sống thấp, đi lại khó khăn, do đó người Khmer rất ngại cho con em đi học, đa số thanh niên Khmer phải bỏ học giữa

Bảng 1: Thống kê mô tả mối tương quan giữa mục đích kết hôn với nhóm tuổi

Mục đích kết hôn	Nhóm tuổi					
	Thanh niên		Trung niên		Cao niên	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Duy trì nòi giống	63	95,5%	66	100%	57	100%
Đáp ứng nhu cầu đời sống tình cảm	47	71,2%	45	68,2%	3	5,3%

Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 4/2018

chừng, theo cha mẹ để lao động và kết hôn sớm với những người trong cùng phum sóc. Mặc dù xã hội truyền thống của người Khmer không có bất kì quy định nào nghiêm cấm kết hôn ngoại tộc thế nhưng trong tâm thức của nhiều người vẫn mong muốn cùng tộc người kết hôn với nhau.

Ngày nay, hôn nhân cận huyết, nội hôn tộc người không còn là vấn đề quan trọng trong quan niệm của nhiều người bởi giới trẻ ngày nay có nhiều mối quan hệ ngoài phum sóc, vượt ra ngoài sự kiểm soát của gia đình, dòng họ.

Bảng 2: Mối tương quan giữa nhóm tuổi với quan niệm về việc kết hôn cận huyết và kết hôn ngoại tộc

Quan niệm		Nhóm tuổi					
		Thanh niên		Trung niên		Cao niên	
		n	%	n	%	n	%
Kết hôn với người trong họ	Không được	25	37,3%	11	16,7%	17	29,8%
	Có thể được	34	50,7%	47	71,2%	38	66,7%
	Ý kiến khác	8	11,9%	8	12,1%	2	3,5%
Kết hôn với người khác dân tộc	Không được	35	52,2%	39	59,1%	47	82,5%
	Có thể được	28	41,8%	23	34,8%	9	15,8%
	Ý kiến khác	4	6,0%	4	6,1%	1	1,8%

Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 4/2018

Kết quả điều tra 57 người Khmer ở nhóm tuổi cao niên cho thấy, có đến 82,5% người Khmer ở nhóm tuổi này không đồng ý việc kết hôn với người khác tộc. Bởi họ e ngại sự khác biệt về văn hóa sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống hôn nhân sau này. Trong khi đó, có đến 41,8% người Khmer ở nhóm tuổi thanh niên lại có ý kiến hoàn toàn ngược lại. Trên thực tế, việc kết hôn giữa người Khmer với dân tộc khác đã xảy ra từ trước năm 1986, bắt nguồn từ hình thái cư trú của người Khmer ở huyện Tri Tôn. Bởi ngày càng nhiều hộ dân Khmer sống xen kẽ với

người Việt, Hoa, nhất là ở khu vực thị trấn, thị tứ, thay vì chỉ sống co cụm, tách biệt như trước đây. Theo đó, đối tượng lựa chọn bạn đời của họ cũng được mở rộng, không còn bị bó hẹp trong phạm vi phum, sóc hay cùng tộc người. So với người Chăm ở An Giang, việc kết hôn khác tộc của người Khmer diễn ra khá thuận lợi hơn bởi người Khmer không có những điều kiện kết hôn khắt khe, bắt buộc đối phương phải cải đạo hay nhập đạo vốn dĩ là những rào cản cho những mối quan hệ hôn nhân khác tộc.

Kết quả khảo sát về hôn nhân ngoại tộc của người Khmer càng khẳng định hơn về xu hướng kết hôn ngoại tộc của người Khmer. Trong tổng số 191 hộ dân Khmer, có 16 hộ có người thân kết hôn với tộc người khác (chiếm tỉ lệ 8,4%). Mặc dù hôn nhân ngoại tộc đã từng xuất hiện trong quá khứ và vẫn còn đang tiếp diễn ở thời điểm hiện tại thế nhưng trong quan niệm của nhiều người vẫn mong muốn cùng tộc người kết hôn với nhau. Phỏng vấn bán cấu trúc người Khmer ở độ tuổi thanh niên cho thấy, mặc dù các bạn trẻ được học tập hoặc đi làm ăn xa, tách ra khỏi sự quản lí của phum, sóc, mở rộng phạm vi giao tiếp, được tự do lựa chọn bạn đời thế nhưng trong quan niệm vẫn có xu hướng kết bạn, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân với những người cùng dân tộc. Kết hôn cùng tộc người vẫn luôn là mong muốn của mọi thế hệ người dân Khmer mặc cho tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trải qua thời gian đã có nhiều biến đổi.

Đối với những cuộc hôn nhân khác tộc, vấn đề giới sẽ là chủ đề chính để hai bên gia đình thông gia đưa ra bàn bạc, thảo luận. Nếu cô dâu là người Khmer thì bắt buộc các nghi thức trong hôn lễ đều phải được thực hiện theo đúng phong tục truyền thống, chú rể sẽ thực hành theo sự hướng dẫn của Ta A Cha. Trường hợp chú rể là người Khmer, nghi thức có thể thực hiện theo

phong tục của dân tộc nào cũng được, tùy thuộc vào sự thỏa thuận của hai bên gia đình.

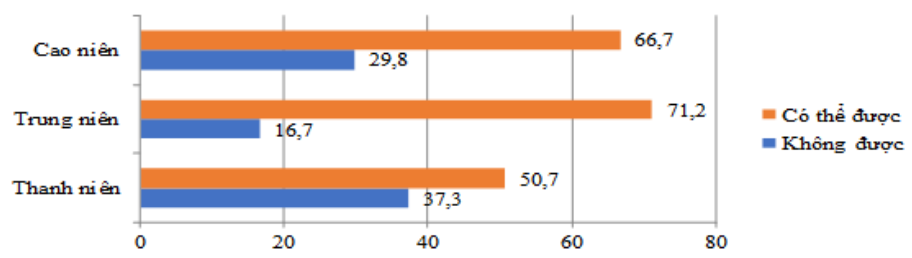
Quan niệm kết hôn với người trong họ cũng thay đổi. Kết quả khảo sát cho thấy, nếu ở nhóm tuổi cao niên và trung niên cho rằng có thể kết hôn với người trong họ với tỉ lệ lần lượt là 66,7% và 71,2% thì ở nhóm tuổi thanh niên lại có xu hướng giảm dần các ý kiến có cùng quan điểm, với tỉ lệ là 50,7%. Với người Khmer xưa, việc chấp nhận quan hệ hôn nhân giữa anh em họ vô hình trung đã khuyến khích những người trong họ lấy nhau với mong muốn duy trì dòng họ và tránh thất thoát tài sản ra bên ngoài do phải chia đều tài sản cho các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, với người trẻ, hình thức hôn nhân này không được ủng hộ bởi chúng bị xem là tàn dư văn hóa lạc hậu, đồng thời bị pháp luật Việt Nam nghiêm cấm. Trong trường hợp bị cha mẹ bắt buộc gả cưới, người trẻ sẵn sàng phản ứng lại theo cách dọ sẽ báo với chính quyền (ý kiến cá nhân, ngày 20/4/2018). Qua khảo sát các cuộc hôn nhân từ năm 1986 đến nay, chúng tôi không ghi nhận bất kì trường hợp nào là hôn nhân cận huyết. Kết quả phỏng vấn sâu cán bộ Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn đã cho thấy, vấn đề hôn nhân cận huyết đang có xu hướng bị triệt tiêu bởi sự tích cực của địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của quần chúng: ‘Chính quyền địa phương đã có tuyên truyền trong đồng bào về Luật Hôn nhân và Gia đình, các chính sách về dân số... Qua đó, đồng bào nhận thức tốt hơn, việc kết hôn cận huyết, tảo hôn không còn xảy ra nhiều’ (ý kiến cá nhân, ngày 21/04/2018).

Người Khmer rất quan tâm đến vấn đề kiêng kị về tuổi tác và ngày tháng. Do đó, xem tuổi trước khi kết hôn và xem tuổi để thực hiện các nghi thức trong hôn lễ đều được người Khmer tính toán rất kĩ. Kết quả khảo sát người Khmer ở huyện Tri Tôn cho thấy, có đến 100% người Khmer từ 60 tuổi trở lên có xem tuổi trước khi cưới, có đến 96,3% người Khmer trong độ tuổi này không chấp nhận kết hôn nếu không hợp tuổi. Trước đây, xem tuổi trước khi kết hôn là việc làm hết sức quan trọng và không thể thiếu trong hôn nhân của người Khmer. Bởi theo quan niệm của nhiều người, nếu không hợp tuổi thì không thể sống với nhau đến trọn đời. Người Khmer tính

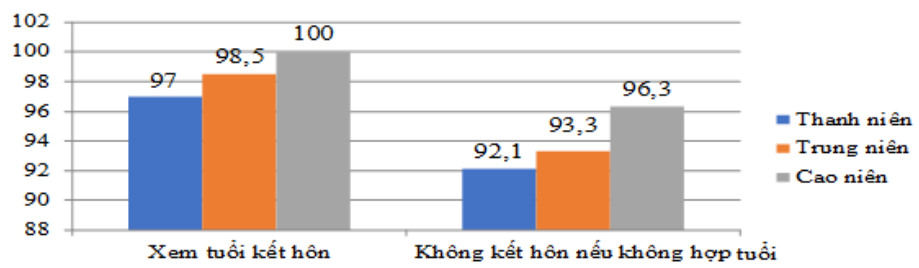
tuổi dựa trên 12 con vật (Chuột, Bò, Cọp, Thỏ, Rồng, Rắn, Ngựa, Dê, Khỉ, Gà, Chó, Heo), ba nhóm giống và sáu nhóm chất. Ba nhóm giống là: giống người, giống tiên và giống chằn. Sáu nhóm chất là nước, đất, gỗ, vàng, lửa, sắt. Khi dựng vợ gả chồng, người Khmer thường tránh các con thú hung dữ, không hợp với nhau; cũng tránh các giống và các chất xung khắc với nhau [8, tr.44]. Việc hỏi cưới và cưới gả cũng tránh những ngày xấu. Việc hỏi vợ phải tránh ngày thứ ba (on kia) là ngày lửa, sẽ tạo nên xung khắc. Tốt nhất hỏi vợ vào ngày thứ sáu (thngay sóc) [4, tr.17-18]. Ngày cưới thường phải tránh các tháng Mực kă sê (khoảng giữa tháng 11 đến giữa tháng 12 dương lịch), Mesk (khoảng giữa tháng 1 đến giữa tháng 2 dương lịch), Chett (khoảng giữa tháng 3 đến giữa tháng 4 dương lịch), nhất là những tháng các vị sư Phật giáo Nam tông nhập hạ (từ 15/6 đến 15/9 âm lịch), cũng không được chọn các tháng có 29 ngày [6, tr.209]. Thông thường, mùa cưới thường tổ chức trước lễ Chol Chnam Thmay, sau khi mùa màng đã thu hoạch xong.

Ngày nay, vấn đề kiêng kị về tuổi tác và ngày tháng trong hôn nhân vẫn là một vấn đề rất quan trọng đối với người Khmer. Do đó, cho dù giới trẻ ngày nay được tự do lựa chọn bạn đời thế nhưng việc xem tuổi trước khi kết hôn và xem tuổi để thực hiện các nghi thức trong hôn lễ vẫn luôn là một thủ tục quan trọng trước khi cưới mà người Khmer không thể bỏ qua. Tuy nhiên, tỉ lệ người Khmer có xem tuổi trước khi cưới và không đồng ý kết hôn nếu không hợp tuổi ở nhóm tuổi trung niên và thanh niên có chiều hướng thấp hơn ở nhóm tuổi cao niên.

Nếu như có đến 100% người Khmer trong nhóm tuổi cao niên đã từng xem tuổi trước khi cưới và có đến 96,3% người Khmer cho rằng không kết hôn nếu không hợp tuổi thì tỉ lệ này giảm dần ở nhóm tuổi trung niên và thanh niên. Ở nhóm tuổi trung niên, có đến 98,5% người Khmer có xem tuổi trước khi cưới và 93,3% không đồng ý kết hôn nếu không hợp tuổi và ở nhóm tuổi thanh niên, tỉ lệ này lần lượt là 97% và 92,1%. Một vài người trẻ cho rằng việc xem tuổi trước khi cưới không còn quan trọng vì hợp tuổi không bằng hợp tính cách, vợ chồng sống với nhau có hạnh phúc hay không còn phụ thuộc rất nhiều



Hình 1: Tỷ lệ quan niệm kết hôn cận huyết phân theo nhóm tuổi



Hình 2: Tỷ lệ người Khmer xem tuổi trước khi cưới và không kết hôn nếu không hợp tuổi phân theo nhóm tuổi

vào cách hành xử của hai vợ chồng. Chau K. (ý kiến cá nhân, ngày 21/4/2018) khẳng định, giới trẻ sẵn sàng sống độc thân nếu cha mẹ không đồng ý kết hôn với người không hợp tuổi.

Ngày nay, cha mẹ đa phần nhường quyền quyết định hôn nhân cho con. Trong trường hợp hai người yêu thương nhau, muốn kết hôn với nhau nhưng lại không hợp tuổi thì gia đình hai bên sẽ khuyên can để kết thúc mối quan hệ này, còn nếu cả hai người quyết tâm kết hôn với nhau thì cha mẹ vẫn tôn trọng ý kiến của con, vẫn tiến hành tổ chức lễ cưới, thế nhưng ngày cử hành hôn lễ sẽ được chọn vào ngày tốt (không chọn theo ngày, tháng, năm sinh của cô dâu và chú rể). Nhiều gia đình chọn ngày thứ Bảy hay Chủ nhật để tổ chức lễ cưới cho con mà không cần quan tâm đến ngày đó là tốt hay xấu. Đó là những ngày thuận lợi để tổ chức đám cưới, để thiết đãi khách dành cho những bạn trẻ đi làm ăn xa. Trong trường hợp không thể chọn ngày tốt như tình huống vừa nêu, họ chọn giờ tốt để bắt đầu cho hôn lễ. Tuy nhiên, đám cưới của người Khmer vẫn không rơi vào mùa nhập hạ của các vị sư vì nếu tổ chức vào mùa nhập hạ, các sư sẽ không thể tham gia buổi tụng kinh chúc phúc cho cô dâu, chú rể. Rõ ràng là, trong thời đại ngày nay, việc xem tuổi

trước khi kết hôn và xem ngày tháng trước khi thực hiện các nghi thức trong hôn lễ của người Khmer ở Tri Tôn mặc dù vẫn rất quan trọng, nhưng vì nhiều lí do khác nhau mà trong quan niệm của nhiều người đã không còn quá khắt khe như trước.

Quyền quyết định hôn nhân

Theo truyền thống, hôn nhân của người Khmer đa phần là do cha mẹ quyết định, con cái đến tuổi trưởng thành không được tự ý lựa chọn bạn đời khi không có sự đồng ý của cha mẹ. Kết quả khảo sát về quyền quyết định hôn nhân của người Khmer từ 60 tuổi trở lên đã ghi nhận được 48 trường hợp (chiếm tỉ lệ 84,2%) hôn nhân là do cha mẹ hoàn toàn quyết định, 8 trường hợp (chiếm tỉ lệ 14%) cá nhân quyết định hôn nhân nhưng có tham khảo ý kiến cha mẹ, chỉ có 1 trường hợp (chiếm tỉ lệ 1,8%) hoàn toàn tự quyết định bạn đời và tiến tới hôn nhân. Ý kiến trích từ phỏng vấn sâu Neáng Som B. (ý kiến cá nhân, ngày 24/4/2018) càng cho thấy rõ hơn về quyền quyết định hôn nhân của người Khmer thuộc thế hệ cao niên: ‘Hồi xưa, tôi lấy chồng không biết mặt chồng đâu, tới ngày cưới mới biết, do cha mẹ sắp đặt hết’ hay như theo Chau K. (ý kiến cá nhân, ngày 24 tháng 4, 2018) ‘Ngày xưa việc

cưới hỏi của tôi là do cha mẹ quyết định, chúng tôi kết hôn với nhau không xuất phát từ tình yêu nam nữ'. Sở dĩ cha mẹ là người quyết định hôn nhân của con bởi cha mẹ được xem là người có vốn sống, có kinh nghiệm, có thể tìm cho con được người bạn đời lí tưởng, đảm bảo cho con có được cuộc sống hạnh phúc sau này, tránh đổ vỡ trong hôn nhân. Bên cạnh đó, cha mẹ là người quyết định hoàn toàn kinh tế gia đình do đó cũng quyết định luôn hôn nhân của con. Tuy nhiên, sự phụ thuộc của con cái vào cha mẹ trong việc hôn nhân còn xuất phát từ văn hóa truyền thống của người Khmer bởi xã hội Khmer rất xem trọng vấn đề đạo đức, hiếu nghĩa, theo Chau Mo Ni Sóc K. (ý kiến cá nhân, ngày 24/4/2018) 'con cái phải vâng lời cha mẹ, người trẻ gặp người lớn tuổi phải đỡ nón ra chào'. Với tất cả nguyên nhân trên, thanh niên Khmer đến tuổi kết hôn đều tự nguyện nghe theo sự sắp xếp của cha mẹ mà ít có ý kiến phản đối. Đa số các cuộc hôn nhân của người Khmer đều do mai mối hoặc do cha mẹ hai bên đã biết nhau từ trước muốn kết tình thông gia.

Ngày nay, vai trò của cha mẹ trong việc quyết định hôn nhân của con đã có sự biến đổi. Vai trò này có xu hướng chuyển từ cha mẹ quyết định hoàn toàn sang cha mẹ làm cố vấn cho con. Bảng số liệu điều tra sẽ làm rõ hơn về sự biến đổi này.

Kết quả khảo sát Bảng 3 cho thấy, ở nhóm tuổi cao niên phổ biến kiểu hôn nhân do gia đình sắp xếp với tỉ lệ 84,2% người Khmer ở nhóm tuổi này cho rằng cha mẹ giữ vai trò quyết định đối với hôn nhân của con. Trong khi ở nhóm tuổi thanh niên lại có xu hướng phổ biến kiểu hôn nhân tự nguyện với tỉ lệ 56,7%, người Khmer ở nhóm tuổi này cho rằng cá nhân quyết định hôn nhân nhưng có tham khảo ý kiến của cha mẹ.

Bảng số liệu trên cũng cho thấy, vai trò quyết định của cá nhân trong hôn nhân có xu hướng thay đổi qua các nhóm tuổi. Cụ thể là, cá nhân quyết định nhưng có tham khảo ý kiến của cha mẹ có tỉ lệ tăng dần qua các nhóm tuổi (cao niên: 14,3%, trung niên: 37,3% và thanh niên: 56,7%). Trong một vài trường hợp con cái tự quyết định bạn đời trước khi có sự đồng ý của cha mẹ (cao niên: 1,8%, trung niên: 3,0% và thanh niên: 6,0%). Trường hợp này chiếm tỉ lệ khá thấp, chưa quá 10% số người được hỏi ở các

nhóm tuổi. Qua đó có thể thấy rằng, mặc dù vai trò quyết định của cá nhân trong hôn nhân được tăng dần qua thời gian, tuy nhiên cha mẹ vẫn là kênh thông tin rất quan trọng để con cái tham khảo trước khi lựa chọn bạn đời và tiến tới hôn nhân. Bởi lẽ, sự đồng thuận của gia đình trong hôn nhân sẽ là tiền đề rất quan trọng để đạt đến sự hòa hợp trong cuộc sống chung giữa con rể với nhà vợ (một hình thái cư trú vẫn còn phổ biến trong cộng đồng Khmer ở huyện Tri Tôn). Khảo sát về phương thức cư trú sau hôn nhân của người Khmer cho thấy, ngoài 31,9% người Khmer ở riêng sau khi kết hôn thì có đến 64,4% người Khmer ở chung với cha mẹ vợ, 2,6% người Khmer ở chung với cha mẹ chồng. Trong trường hợp người nữ là con út trong gia đình, sau khi kết hôn không có điều kiện cất nhà thì có thể chuyển sang nhà chồng ở trong một thời gian. Hoặc trong trường hợp cả hai vợ chồng đều làm công nhân, làm ruộng chưa có điều kiện cất nhà, thì theo phong tục vẫn phải ở nhà vợ.

Nghiên cứu cũng cho thấy, nghề nghiệp chính là một trong những yếu tố quan trọng để giải thích cho xu hướng ngày càng tăng vai trò quyết định của chủ thể trong hôn nhân.

Kết quả khảo sát Bảng 4 cho thấy, có đến 70,1% người Khmer làm nghề nông nghiệp cho rằng hôn nhân của họ là do cha mẹ quyết định hoàn toàn, trong khi chỉ có 29,9% người Khmer làm nghề phi nông nghiệp có cùng ý kiến. Vai trò quyết định của cá nhân trong hôn nhân ở những người làm nghề phi nông nghiệp có phần cao hơn so với những người làm nghề nông nghiệp. Lí do được Neáng Đ. (ý kiến cá nhân, ngày 20/4/2018) nêu ra như sau: 'Bây giờ tụi nó tự tìm đến nhau rồi yêu nhau, cha mẹ chỉ đứng ra tổ chức cho tụi nó thôi, tự nó tự quyết hết rồi; tụi nó đi làm công ty rồi điện thoại về kêu cưới cô này, cô kia ở đâu đó, kêu cha mẹ đi dạm hỏi rồi coi ngày cưới dùm'. Kết quả này càng cho thấy, cùng với việc giảm dần sự lệ thuộc về kinh tế và sự gắn bó với phum, sóc, giới trẻ càng có nhiều quyền quyết định hơn trong hôn nhân, thậm chí không có sự cố vấn của cha mẹ trong việc lựa chọn bạn đời để tiến tới hôn nhân. Cuộc khảo sát tháng 4/2018 đã ghi nhận được 45,1% trường hợp người Khmer hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp, trong đó có một bộ phận người Khmer làm công

Bảng 3: Quyền quyết định hôn nhân phân theo nhóm tuổi

Quyền quyết định hôn nhân	Nhóm tuổi					
	Thanh niên		Trung niên		Cao niên	
	n	%	n	%	n	%
Cá nhân tự quyết định	4	6,0%	2	3,0%	1	1,8%
Cá nhân quyết định nhưng có tham khảo ý kiến cha mẹ	38	56,7%	25	37,3%	8	14,0%
Cha mẹ quyết định	25	37,3%	40	59,7%	48	84,2%
Khác	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
Tổng	67	100,0%	67	100,0%	57	100,0%

Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 4/2018

Bảng 4: Mối tương quan giữa nghề nghiệp với quyền quyết định hôn nhân

Nghề nghiệp	Người quyết định hôn nhân					
	Cá nhân tự quyết định		Cá nhân quyết định nhưng có tham khảo ý kiến cha mẹ		Cha mẹ quyết định	
	n	%	n	%	n	%
Phi nông nghiệp	4	57,1%	30	34,5%	29	29,9%
Nông nghiệp	3	42,9%	57	65,5%	68	70,1%

Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 4/2018

nhân tại các khu công nghiệp ở tỉnh Long An và tỉnh Bình Dương (chiếm tỉ lệ 14,6%). Đây là một trong những số liệu đáng chú ý, bởi lẽ, biến đổi về mặt sinh kế sẽ dẫn đến những biến đổi về mặt văn hóa trong cộng đồng Khmer di cư, cũng như cộng đồng Khmer tại chỗ.

Tiêu chí lựa chọn bạn đời

Tục ngữ Khmer có câu ‘Làm ruộng thì có trúng có thất, nhưng việc lấy vợ, lấy chồng đã sai thì sai cả cuộc đời’. Chính vì thế, các gia đình Khmer rất quan tâm đến việc lựa chọn con dâu hoặc con rể để dựng vợ, gả chồng cho con. Tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời hầu như không tồn tại bởi cha mẹ là người có toàn quyền quyết định hôn phối của con với hệ thống các tiêu chuẩn. Kết quả khảo sát 57 người Khmer từ 60 tuổi trở lên được ghi nhận qua Bảng 5.

Bảng 5: Tiêu chí lựa chọn dâu hoặc rể của người Khmer từ 60 tuổi trở lên

TT	Tiêu chuẩn	Số lượng	Tỉ lệ
1	Đạo đức tốt	49	86%
2	Ngoại hình đẹp	18	31,6%
3	Sức khỏe tốt	50	87,7%
4	Có việc làm ổn định	17	29,8%
5	Có học thức	7	12,3%
6	Có địa vị xã hội	9	15,8%
7	Môn đăng hộ đối	36	63,2%

Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 4/2018

Với chức năng duy trì nòi giống và là lực lượng lao động chính trong gia đình, yếu tố sức khỏe tốt của con dâu và con rể luôn được đại đa số người Khmer ở nhóm tuổi từ 60 trở lên cho rằng quan trọng nhất khi dựng vợ, gả chồng cho con (chiếm tỉ lệ 87,7%). Yếu tố đạo đức của con dâu và con rể cũng được coi trọng (chiếm tỉ lệ 86%). Một bộ phận không nhỏ người Khmer, đặc biệt là những người có đời sống kinh tế khá giả, lại đặc biệt quan tâm đến vấn đề môn đăng hộ đối giữa hai bên gia đình (chiếm tỉ lệ 63,2%). Trong khi đó, các yếu tố về địa vị xã hội, có học thức, có việc làm ổn định, ngoại hình đẹp đều chiếm tỉ lệ không đáng kể (tỉ lệ dao động từ 12,3% đến 31,6%).

Số liệu trên cho thấy, người Khmer từ 60 tuổi trở lên đánh giá khá cao về mặt phẩm chất, đạo đức cá nhân hơn là hình thức bên ngoài. Vấn đề kinh tế không phải là tiêu chuẩn quan trọng để các gia đình lựa chọn con dâu hoặc con rể. Một thực tế là, khi chọn vợ, kén chồng cho con, cha mẹ thường quan tâm đến thời gian tu học tại chùa (đối với nam) và trải qua nghi lễ Vào bóng mát (đối với nữ). Lí do được Chau K. (ý kiến cá nhân, ngày 24/4/2018) giải thích như sau: ‘Nếu tu chỉ được ăn buổi sáng, tới 12 giờ trưa phải nhịn suốt nên người nào đã trải qua thời gian tu tại chùa được xem là người biết chịu đựng, nhẫn

nhận, hiểu được quy luật nhân quả của cuộc sống, biết cách đối xử tốt với vợ. Với lại, nếu người đó trong thời gian tu, chức vụ nằm lòng trong phật tử, người đó muốn làm trái đạo đức xã hội cũng khó; do đó, tu là tiêu chuẩn quan trọng nhất để chọn chồng cho con, không cần gia thế, nếu là sư cả, sư phó xuất tu càng được ưu tiên’.

Thời gian tu học tại chùa lâu hay mau, ngắn hay dài tùy thuộc vào mỗi người, có người hết thời gian quy định sẽ xuất tu, cũng có người lâu hơn hoặc có khi ở lại chùa tu suốt đời nếu có nguyện vọng. Tuy nhiên, thời gian tu tối thiểu tại chùa ít nhất ba tháng. Kết quả khảo sát cho thấy, có đến 92,6% người Khmer ở độ tuổi từ 60 trở lên đã từng vào chùa tu học.

Riêng đối với nữ Khmer, khi bước vào độ tuổi 16, 17, họ cần phải trải qua nghi lễ Vào bóng mát thì mới được xem là đủ điều kiện để cha mẹ gả chồng cho con. Lễ Vào bóng mát kéo dài từ 1 đến 3 tháng. Trong suốt thời gian này, người con gái không được ra khỏi nhà mà chỉ dành thời gian cho việc học thêu thùa, may vá và học cách đối nhân xử thế thông qua Gia huấn ca (Stra chbăp) hoặc Luật dạy con gái (Chbăp Sray). Trải qua thời gian, hiện nay lễ này dường như đã mất hẳn trong cộng đồng người Khmer ở huyện Tri Tôn.

Ngày nay, các tiêu chí gắn liền với phong tục truyền thống không còn phù hợp với quá trình phát triển xã hội. Một số tục lệ xưa đã dần mất đi theo năm tháng, thay vào đó những chuẩn mực về đạo đức xã hội được đề cao. Kết quả phỏng vấn sâu Chau Q. (ý kiến cá nhân, ngày 24/4/2018) càng làm rõ hơn về vấn đề này: ‘Tiêu chí gì nữa bây giờ, tụi nó yêu nhau rồi, có ra tiêu chí cũng có được gì đâu, chủ yếu là con rể (dâu) hiền, hiểu thảo, biết làm ăn là mừng rồi’ hay như theo Neáng Sóc V. (ý kiến cá nhân, ngày 20/4/2018) ‘Miễn sao con dâu (rể) lễ phép, biết làm ăn, biết trên biết dưới, lo cho gia đình là được’.

Kết quả phỏng vấn trên càng khẳng định, nhóm tuổi trung niên đã chấp nhận quyền tự do lựa chọn bạn đời của con. Nhóm tuổi này chỉ mong muốn dâu, rể ngoan hiền, biết chăm lo cho gia đình, còn những yếu tố khác tùy thuộc vào sự lựa chọn và quyết định của giới trẻ. Cũng từ kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, người Khmer ngày nay quan tâm nhiều hơn đến các yếu tố để tạo dựng một gia đình hạnh phúc. Đó không chỉ là vấn đề thuộc về đạo đức, sức khỏe mà còn là

kinh tế, nghề nghiệp ổn định để có được cuộc sống hạnh phúc bền lâu. Cũng như nhóm tuổi cao niên, các vấn đề có liên quan đến đạo đức, tính cách, nhân phẩm của cá nhân luôn là tiêu chí quan trọng nhất để người Khmer lựa chọn bạn đời. Tuy nhiên, nếu ở nhóm tuổi từ 60 trở lên, môn đăng hộ đối là một trong những tiêu chí quan trọng để người Khmer lựa chọn bạn đời thì ở nhóm tuổi từ 18 đến 60, vấn đề môn đăng hộ đối không còn là vấn đề quan trọng.

Kết quả khảo sát về tiêu chí lựa chọn bạn đời của nhóm tuổi từ 18 – 60 cho thấy, các tiêu chí về đạo đức tốt, cùng dân tộc, sức khỏe tốt chiếm tỉ lệ cao nhất với tỉ lệ lần lượt là 83,5%, 79,7% và 67,9%. Trong khi đó, tiêu chí về môn đăng hộ đối chiếm tỉ lệ khá thấp, chỉ có 6,0% người Khmer thuộc nhóm tuổi này cho rằng quan trọng khi chọn bạn đời.

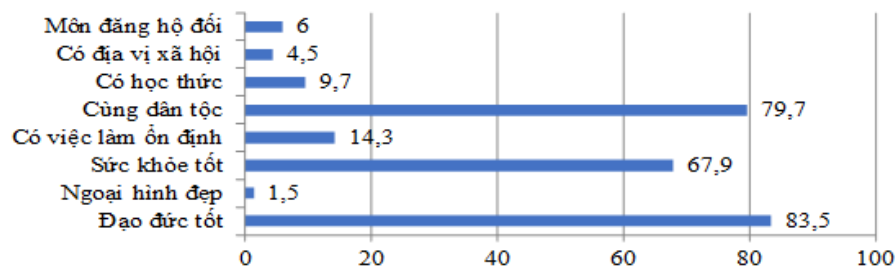
Đăng kí kết hôn

Nếu như trước đây, để công nhận là vợ chồng, đôi bạn trẻ chỉ cần được tổ chức lễ cưới dưới sự chứng kiến và chúc phúc của các vị sư, các Ta A Cha và gia đình, dòng họ hai bên, thì nay người Khmer còn thực hiện đăng kí kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Số trường hợp có đăng kí kết hôn tăng dần qua các nhóm tuổi. Khảo sát cho thấy có đến 92,6% người Khmer có đăng kí kết hôn, tỉ lệ cặp vợ chồng có đăng kí kết hôn có sự khác biệt giữa ba nhóm tuổi, cụ thể như Bảng 6.

Nếu như nhóm tuổi kết hôn trong khoảng thời gian từ năm 1986 – 1991 chỉ có 87,2% đăng kí kết hôn, thì tỉ lệ này tăng lên ở nhóm tuổi kết hôn trong khoảng thời gian từ năm 1992 – 1997 với tỉ lệ là 96,9% và tỉ lệ này đạt đến 100% với nhóm tuổi kết hôn trong khoảng thời gian từ năm 1998 đến nay. Rõ ràng là người Khmer đã dần nhận thức được quyền lợi chính đáng của người dân sau khi đăng kí kết hôn để từ đó tự nguyện đăng kí kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây được xem là những biến đổi có tính tích cực cần được phát huy thông qua vai trò tuyên truyền, vận động quần chúng của chính quyền địa phương.

Li hôn

Người Khmer đề cao mối quan hệ bền vững trong hôn nhân. Rất hiếm xảy ra trường hợp li hôn trong cộng đồng dân tộc Khmer truyền thống. Các vụ li hôn xảy ra thường là do chồng hoặc vợ ngoại tình, xung đột trong quan hệ vợ chồng.



Hình 3: Người Khmer ở nhóm tuổi từ 18 đến dưới 60 đánh giá các tiêu chí lựa chọn bạn đời

Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 4/2018

Bảng 6: Tương quan giữa việc đăng kí kết hôn với nhóm tuổi

Đăng ký kết hôn		Nhóm tuổi kết hôn		
		1998 đến nay	1992 – 1997	1986 – 1991
Có	n	30	62	82
	%	100,0%	96,9%	87,2%
Không	n	0	2	12
	%	0,0%	3,1%	12,8%

Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 04/2018

Trước khi vợ chồng gửi đơn đến chính quyền, thông thường một vị lớn tuổi trong phum, sóc đứng ra phân xử, hòa giải nội bộ (sray: phụ nữ, pros: đàn ông). Nếu nguyên nhân dẫn đến li hôn là do nhà gái thì nhà trai có quyền đòi lại tất cả sính lễ mà nhà trai mang sang trong ngày cưới. Nếu vợ chồng thuận tình li hôn, không do lỗi bên nào, số sính lễ được chia đều cho cả hai vợ chồng. Sau khi li hôn, cả hai người đều có quyền kết hôn với người khác hoặc tái hôn với nhau. Tuy nhiên để tái hôn, họ chỉ có thể làm lễ chấp nối để mời tổ tiên, ông bà về chứng giám mà không được tổ chức theo phong tục truyền thống. Hầu hết các cuộc hôn nhân do chấp nối đều không được cộng đồng xem trọng.

Các vụ li thân, li hôn hiếm khi xảy ra ở nhóm tuổi cao niên, thì nay lại xuất hiện trong nhóm tuổi thanh niên, trung niên. Cuộc khảo sát tháng 4/2018 ghi nhận hai trường hợp li hôn ở cả hai nhóm tuổi kể trên. Lí do được người dân nêu ra là do hai người sống với nhau không hợp, hai bên thuận tình nên đã li hôn, có trường hợp li hôn khi vừa kết hôn được vài tháng. Tất cả các vụ li hôn đều được giải quyết theo đúng quy trình, quy định của pháp luật. Những cặp vợ chồng tái

hôn có thể làm lễ chấp nối hoặc tổ chức theo phong tục truyền thống, điều này phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của mỗi gia đình.

B. Nguyên nhân biến đổi hôn nhân truyền thống của người Khmer từ năm 1986 đến nay

Qua phân tích tài liệu thứ cấp kết hợp với khảo sát, phỏng vấn thực tế, chúng tôi nhận thấy có nhiều yếu tố tác động dẫn đến sự biến đổi hôn nhân truyền thống của người Khmer từ năm 1986 đến nay.

Sự phát triển kinh tế – xã hội trong vùng đồng bào dân tộc Khmer

Cùng với cả nước, tình hình kinh tế – xã hội của huyện Tri Tôn sau năm 1986 có nhiều biến đổi. Đây sẽ là tiền đề quan trọng dẫn đến những biến đổi trong khuôn mẫu hôn nhân truyền thống của người Khmer.

Qua tổng hợp kết quả phỏng vấn sâu người dân Khmer từ 50 tuổi trở lên cho thấy, nếu như trước năm 1986, việc tiếp cận hệ thống giáo dục phổ thông của người Khmer trên địa bàn huyện còn nhiều khó khăn do địa bàn sinh sống của người Khmer tách biệt với người Việt, giao thông không được thông suốt, phương tiện đi lại hạn chế. Do không có điều kiện theo học ở các cấp cao hơn, nhiều trẻ em Khmer phải kết thúc việc học ở bậc tiểu học. Từ sau năm 1986, hệ thống trường, lớp ở huyện Tri Tôn phát triển, trình độ dân trí của người Khmer theo đó cũng được cải thiện đáng kể. Điều này được thể hiện cụ thể qua Bảng 7.

Kết quả khảo sát cho thấy, nhóm tuổi cao niên có trình độ thấp nhất với tổng số người mù chữ và trình độ bậc tiểu học lên đến 93% (trong đó có 47,4% người Khmer mù chữ, 45,6% người Khmer có trình độ tiểu học), chỉ có 7,0% người

Bảng 7: Trình độ học vấn của người Khmer phân theo nhóm tuổi

Trình độ học vấn	Độ tuổi					
	Thanh niên		Trung niên		Cao niên	
	n	Tỉ lệ (%)	n	Tỉ lệ (%)	n	Tỉ lệ (%)
Không biết chữ	1	1,6%	17	29,3%	27	47,4%
Tiểu học	10	15,6%	32	55,2%	26	45,6%
THCS	32	50,0%	6	10,3%	4	7,0%
THPT	20	31,3%	3	5,2%	0	0,0%
Khác	1	1,6%	0	0,0%	0	0,0%

Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 4/2018

Khmer có trình độ THCS. Ở nhóm tuổi trung niên, tỉ lệ người Khmer mù chữ và học đến tiểu học giảm còn 84,5% (trong đó có 29,3% người Khmer không biết chữ và 55,2% người Khmer đã từng học tiểu học), 10,3% người Khmer học đến THCS, 5,3% người Khmer học đến THPT. Trình độ học vấn cao nhất thuộc về nhóm tuổi thanh niên, chỉ có 1,6% người Khmer mù chữ, 15,6% tiểu học, trong khi có đến 50% người Khmer có trình độ THCS, 31,3% người Khmer có trình độ THPT, 1,6% người Khmer có trình độ đại học. Trình độ dân trí của các thế hệ về sau tăng lên càng tạo điều kiện cho giới trẻ tiếp thu những quan niệm mới về hôn nhân như vai trò của tình yêu trong hôn nhân và quan niệm về chung sống trước hôn nhân (một vấn đề mà người Khmer thuộc thế hệ ông bà trước đây rất khó có thể chấp nhận).

Mặt khác, Tri Tôn là một trong những huyện có tỉ lệ hộ nghèo cao của tỉnh An Giang. Do vậy, trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội, tỉnh An Giang đã có nhiều chương trình hành động để giảm nghèo. Cùng với Chương trình 135 được triển khai đối với các xã nghèo có điều kiện đặc biệt khó khăn, huyện Tri Tôn còn được ngân sách nhà nước đầu tư về giáo dục, dạy nghề, đầu tư các công trình thủy lợi, giao thông, trạm y tế. Có thể nói những chính sách giảm nghèo của Trung ương, của tỉnh và sự hành động quyết liệt của chính quyền địa phương đã góp phần giảm nhanh tỉ lệ nghèo của vùng đồng bào dân tộc thiểu số Khmer ở huyện Tri Tôn nói riêng và cả tỉnh nói chung. Qua đó, đời sống kinh tế của người Khmer không ngừng được cải thiện và chất lượng cuộc sống được nâng cao.

Theo thống kê của Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (gọi tắt là UNDP),

người Khmer là nhóm dân tộc có tỉ lệ tiếp cận các phương tiện thông tin đại chúng khá cao: 11,5% hộ có đài radio, 87,2% hộ có tivi, 72,4% hộ có điện thoại, 4,8% hộ có máy vi tính và 4,1% hộ có kết nối internet [13, tr.48-50]. Điều này đã giúp người Khmer có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với đời sống văn hóa hiện đại.

Sự biến đổi sinh kế tộc người

Nếu như trước đây, nguồn thu nhập của người Khmer chủ yếu dựa vào hoạt động sản xuất nông nghiệp và các nghề thủ công truyền thống thì từ sau năm 1986 đến nay cơ cấu nghề nghiệp của người Khmer đã có nhiều thay đổi. Kết quả khảo sát cho thấy, ngoài 66,9% người Khmer làm nông nghiệp còn có một bộ phận không nhỏ người Khmer chuyển sang lĩnh vực phi nông nghiệp như buôn bán và dịch vụ (23,1%), làm công nhân tại các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh (14,6%), làm công nhân viên chức nhà nước (4,2%) và làm nghề khác (1,0%). Các chính sách của nhà nước về đào tạo nghề và giải quyết việc làm đã giúp người nông dân có cơ hội làm việc tại các khu vực đô thị như Bình Dương, Long An. Đây có thể xem là những tác nhân quan trọng dẫn đến những biến đổi khuôn mẫu hôn nhân truyền thống của người Khmer trên nhiều phương diện, bởi lẽ tính di động nghề nghiệp đã phá vỡ không gian giao tiếp vốn dĩ bó hẹp trong phum, sóc của người Khmer. Đến môi trường mới làm việc, thanh niên Khmer có nhiều cơ hội quen biết, tìm hiểu và tự do lựa chọn bạn đời, không phải thông qua mai mối như thế hệ ông bà trước đây. Rõ ràng là do có nhiều cơ hội đi lại và tiếp xúc hơn nên phạm vi lựa chọn cũng rộng hơn, cha mẹ không còn có thể kiểm soát chặt chẽ các mối quan hệ tình yêu của con cái như trước. Nam nữ thanh niên có cơ hội chủ động tìm hiểu người mình thích,

chủ động thiết lập mối quan hệ yêu đương, chủ động tiến tới hôn nhân và xây dựng gia đình.

Sự giao lưu tiếp biến văn hóa

Cộng đồng Khmer có đặc thù là một cộng đồng khép kín. Lê Hương nhận xét rằng: ‘Sống chung đụng với người Việt hàng ba thế kỉ, người Việt gốc Miên vẫn giữ phong tục, tập quán của họ, quây quần xung quanh những ngôi chùa đồ sộ, họp thành từng nhóm, gọi là “sóc” riêng biệt’ [1, tr.26]. Trải qua quá trình định cư lâu dài, cộng cư cùng các cộng đồng Việt, Hoa, Chăm đã góp phần làm gia tăng tình trạng hỗn cư giữa người Khmer và các tộc người khác trên địa bàn, qua đó cũng góp phần làm tăng sự giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng.

Vào năm 1901, số liệu thống kê cho thấy người Khmer ở Tri Tôn chiếm 85,8% dân số ở các tổng Khmer [14]. Tuy nhiên, thống kê năm 1999 của huyện Tri Tôn cho thấy người Khmer chỉ còn chiếm 44,7% dân số toàn huyện. Ở xã Ô Lâm, tỉ lệ người Khmer vẫn còn cao (97,1%), nhưng ở thị trấn Tri Tôn chỉ còn chiếm 24,6% [15, tr.67]. Theo niên giám thống kê của huyện Tri Tôn [2] cho thấy, đến năm 2016, tỉ lệ người Khmer ở thị trấn Tri Tôn chỉ còn 19,1%, trong khi tỉ lệ này ở xã Ô Lâm là 97,4%.

Giữa các cộng đồng dân tộc đã có mối quan hệ thông qua hôn nhân từ sớm. Tuy nhiên, ở An Giang, mối quan hệ này đậm nét nhất là với người Chăm. Người Khmer và người Chăm kết hôn với nhau đã hình thành nên một nhóm người lai Chăm - Khmer, được gọi là Javakui. Làng Chăm Hà Bao hiện nay ở tỉnh An Giang vào đầu thế kỉ XX vốn được người Pháp xác định là một làng Khmer. Các mối quan hệ hôn nhân giữa người Việt và người Khmer xuất hiện muộn hơn nhưng ngày càng phổ biến. Từ năm 2007 đến năm 2012, xã Ô Lâm có 24 cuộc hôn nhân Khmer – Việt và ở thị trấn Tri Tôn số cặp hôn nhân Khmer – Việt lên đến 108 [10, tr.85-91]. Riêng năm 2017, cuộc khảo sát cũng ghi nhận được, trong 191 mẫu khảo sát, ở Tri Tôn có 12 trường hợp người Khmer kết hôn với người Việt và 01 trường hợp kết hôn với người Hoa, trong khi đó ở xã Ô Lâm chỉ có 02 trường hợp kết hôn giữa người Khmer và người Việt.

Chính sách của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số

Từ sau năm 1986, Nhà nước ta xác định lợi ích kinh tế và lợi ích cá nhân là cơ sở để thực hiện lợi ích xã hội. Chính vì thế, chính sách kinh tế luôn gắn liền với chính sách xã hội khi đi vào nền kinh tế thị trường. Việc giải quyết các vấn đề xã hội như giải quyết việc làm, nâng cao mức sống dân cư, phát triển giáo dục, y tế, các dịch vụ xã hội ở các vùng nông thôn, dân tộc, miền núi luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm đầu tư triển khai thực hiện. Sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước thông qua các chính sách về an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc cùng với sự tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật của Nhà nước đã giúp cho người dân Khmer ở huyện Tri Tôn có điều kiện phát triển trên nhiều phương diện như đời sống kinh tế, trình độ học vấn, trình độ nhận thức; đồng thời, mở ra cho người dân Khmer nhiều cơ hội nghề nghiệp ngoài phạm vi nông nghiệp. Việc nâng cao trình độ học vấn và mở rộng cơ hội nghề nghiệp phi nông nghiệp đã tác động ít nhiều đến những biến đổi trong hôn nhân của người Khmer.

Chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về hôn nhân và gia đình thường xuyên được phổ biến trong vùng đồng bào dân tộc Khmer ở huyện Tri Tôn dưới nhiều hình thức khác nhau như truyền hình, truyền thanh bằng tiếng dân tộc đến tận các xã, ấp trong huyện hoặc tổ chức các lớp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng là chức sắc, người có uy tín trong đồng bào dân tộc Khmer. Ngành tư pháp và các đơn vị có liên quan còn cấp phát tài liệu các loại để gửi trực tiếp đến những người tham dự tập huấn, đến người dân ở tận các xã, ấp có đông đồng bào dân tộc với nội dung đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với bà con nông dân là người dân tộc. Thông qua việc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, việc tổ chức lễ cưới hầu như được người Khmer trên địa bàn chấp hành nghiêm túc chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước theo tinh thần đơn giản, tiết kiệm, văn minh. Một số tập tục lạc hậu không còn xuất hiện trong quá trình tổ chức lễ cưới của người Khmer. Hôn nhân cận huyết, nạn tảo hôn ít xảy ra trong cộng đồng dân tộc Khmer ở huyện Tri Tôn.

V. KẾT LUẬN

Theo quan niệm truyền thống, hôn nhân được xem là việc hệ trọng của đời người và đây là công việc chung của dòng họ mà không phải là việc riêng của con cái với mục đích chính là duy trì nòi giống. Do đó, mặc dù trong hôn nhân, đôi nam nữ là chủ thể nhưng cha mẹ lại đóng vai trò chủ đạo, quyết định việc tiến tới hôn nhân của đôi trẻ. Hôn nhân cận huyết, nội hôn tộc người, hợp tuổi tác, con trai đã từng vào chùa tu học, con gái đã từng trải qua nghi lễ Vào bóng mát luôn là nguyên tắc cơ bản khi lựa chọn dâu, rể. Từ sau năm 1986, hôn nhân của người Khmer đã có nhiều biến đổi. Mục đích chính của hôn nhân là nhằm mưu cầu hạnh phúc lứa đôi, cá nhân có nhiều quyền quyết định hơn trong hôn nhân song cha mẹ vẫn là kênh thông tin quan trọng để con cái tham vấn lựa chọn bạn đời và tiến tới hôn nhân. Các tiêu chí lựa chọn dâu, rể hoặc lựa chọn bạn đời gắn liền với phong tục truyền thống không còn phù hợp với quá trình phát triển xã hội. Một số tục lệ xưa đã dần mất đi theo năm tháng. Người dân dần chấp hành tốt các chủ trương, pháp luật của Nhà nước trong hôn nhân thông qua việc đăng ký kết hôn và tuân thủ Luật Hôn nhân và Gia đình. Rõ ràng là, quan niệm về hôn nhân của người Khmer đã có nhiều biến đổi dựa trên sự tiếp thu của các yếu tố mới mang tính thời đại. Sự biến đổi này chưa làm mất đi những giá trị mang tính truyền thống của tộc người nhưng lại có sự tác động đến văn hóa truyền thống theo cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực. Xét về mặt tích cực, sự biến đổi làm tăng dần hôn nhân tự nguyện, giảm dần tình trạng hôn nhân cận huyết, nạn tảo hôn trong vùng đồng bào dân tộc, tăng tình đoàn kết, hòa hợp giữa các dân tộc, làm phong phú thêm văn hóa truyền thống của tộc người,... Bên cạnh những mặt tích cực, sự biến đổi hôn nhân còn có những mặt tiêu cực mà người làm công tác bảo tồn văn hóa truyền thống cần đặc biệt quan tâm. Đó là sự biến đổi kinh tế, xã hội, sự hội nhập kinh tế quốc tế có những tác động rất mạnh mẽ dẫn đến những thay đổi trong tư duy và hành động của tộc người. Hay là lối sống thử, quan hệ tình dục trước hôn nhân, li thân, li hôn. Đây được xem là những thách thức trong công tác bảo tồn văn hóa truyền thống cần được các cấp, các ngành nhìn nhận thấu đáo và

toàn diện. Có thể nói, hôn nhân truyền thống của người Khmer đang phải đối mặt với những thách thức trong bối cảnh phát triển không ngừng của xã hội hiện đại, làm thế nào để dung hòa giữa bảo tồn văn hóa truyền thống với phát triển kinh tế, phát triển xã hội luôn là bài toán khó mà các ngành, các cấp có liên quan cần đi tìm ra câu trả lời để văn hóa truyền thống của người Khmer nói riêng, nền văn hóa Việt Nam nói chung phát triển tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Sở Nội vụ tỉnh An Giang. *Báo cáo về Thực trạng kinh tế – xã hội của các dân tộc thiểu số ở An Giang năm 2015*; 2015.

[2] Lê Hương. *Người Việt gốc Miên*; 1969.

[3] Viện Văn hóa. *Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa dân tộc; 1993.

[4] Sôrya. *Lễ hội Khmer Nam Bộ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa dân tộc; 1988.

[5] Sơn Phước Hoan (chủ biên). *Các lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer Nam Bộ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục; 1998.

[6] Trần Văn Bính (chủ biên). *Văn hóa các dân tộc Tây Nam Bộ, thực trạng và những vấn đề đặt ra*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia; 2004.

[7] Vương Xuân Tình, Vũ Đình Mười (đồng chủ biên). *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam, nghiên cứu tại vùng Nam Bộ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2016.

[8] Đặng Thị Kim Oanh. *Hôn nhân của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long* [Luận văn Thạc sĩ]. Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. 2002; 45.

[9] Nguyễn Khắc Cảnh, Đặng Thị Kim Oanh. *Nhân học về thân tộc, dòng họ, hôn nhân và gia đình*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; 2015.

[10] Lan Thai Huynh Phuong. *Making Families across the Ethnic Divide: Khmer-Kinh Inter-marriage in Vietnam* [Master Thesis]. The Australian National University; 2015.

[11] Nhiều tác giả. *Phát triển giáo dục vùng dân tộc Khmer Nam Bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; 2003.

[12] Sang Sét. *Phong tục, lễ nghi và tranh ký tự dân tộc Khmer Nam Bộ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa dân tộc; 2012.

[13] Ủy ban Dân tộc, Irish Aid & UNDP. *Tổng quan thực trạng kinh tế – xã hội của 53 dân tộc thiểu số (Tài liệu lưu hành nội bộ)*. Hà Nội; 2017.

[14] Hội Nghiên cứu Đông Dương. *Địa chí tỉnh Châu Đốc*. Sài Gòn: Nhà in L. Ménéard; 1902.

[15] Võ Văn Sen. *Một số vấn đề cấp bách trong quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; 2010.